

Số: 96/2018/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh
đến năm 2025 và những năm tiếp theo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005, Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20 tháng 11 năm 2014 của
Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 233/TTr-UBND, ngày 09 tháng 7 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phát triển giáo dục mầm
non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo; báo cáo
thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ

Chương I

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

Điều 1. Quan điểm

Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục - đào tạo; phát huy truyền thống và kết quả giáo dục của Hà Tĩnh; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, với các quan điểm cụ thể:

1. Giảm đầu mỗi các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII.

2. Sắp xếp các trường học theo hướng thành lập các trường liên cấp (Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông), trường liên xã đảm bảo thuận lợi cho người học.

3. Không làm xáo trộn việc tổ chức dạy học, giáo dục của nhà trường.

4. Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để tổ chức dạy học; các trường liên cấp không nhất thiết phải học tại một địa điểm.

5. Sắp xếp trường lớp đi đôi với việc sắp xếp hợp lý và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Điều 2. Mục tiêu tổng quát

Phát triển giáo dục mầm non và phổ thông Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đi đôi với việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trên các lĩnh vực; tập trung hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh. Sắp xếp, tổ chức lại hệ thống trường lớp gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường công lập. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên đồng bộ về số lượng, cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tổ chức tốt việc dạy học và các hoạt động giáo dục.

Điều 3. Mục tiêu cụ thể

1. Đến năm 2021

a) Tỷ lệ huy động trẻ vào mẫu giáo 98%, nhà trẻ 35% (trẻ từ 12 tháng tuổi trở lên), trong đó 20% số trẻ huy động học tại các trường, nhóm lớp ngoài công lập. Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, tuyển sinh 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học trung học cơ sở (THCS); tuyển sinh tối đa 70% học sinh tốt nghiệp THCS vào trung học phổ thông (THPT) công lập;

b) 90% trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia; 70% đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3;

c) 100% trường học có đủ giáo viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới; 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống;

d) Phần đầu giảm khoảng 10% trường mầm non và phổ thông công lập; giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015;

đ) Phần đầu 10% trường mầm non, THCS, THPT tự chủ về tài chính.

2. Đến năm 2025

a) Tỷ lệ huy động trẻ vào mẫu giáo đạt 98,5%, nhà trẻ 40% (trẻ từ 12 tháng tuổi trở lên), trong đó 30% số trẻ huy động học tại các trường, nhóm lớp ngoài công lập. Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, tuyển sinh 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học THCS; tuyển sinh tối đa 60% học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT công lập;

b) 100% trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia; 80% đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3;

c) Phần đầu tiếp tục giảm khoảng 10% trường mầm non và phổ thông công lập; giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021;

d) Phần đầu 20% trường mầm non, THCS, THPT tự chủ về tài chính.

3. Giai đoạn sau năm 2025

a) Duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở; tiếp tục tăng tỷ lệ huy động trẻ vào mẫu giáo và nhà trẻ, giảm tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT công lập so với năm 2025;

b) Tiếp tục sắp xếp các trường mầm non và phổ thông công lập theo hướng giảm đầu mỗi; giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025;

c) Phần đầu trên 25% trường mầm non, THCS, THPT tự chủ về tài chính.

Chương II

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 4. Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của giáo dục trong toàn xã hội

1. Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội đối với phát triển giáo dục và đào tạo; phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, các ngành, các tổ chức từ tỉnh đến cơ sở để chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện các chương trình phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Tập trung nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành và Nhân dân về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với giáo dục và đào tạo để các cấp, các ngành và Nhân dân có nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí vị của giáo dục và đào tạo, vai trò quan trọng của nhân tố con người trong phát triển kinh tế - xã hội, từ đó tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội trong thực hiện các chủ trương phát triển giáo dục. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo, thành lập chuyên mục riêng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh, Báo Hà Tĩnh, Công thông tin điện tử của tỉnh để phổ biến, chia sẻ về cách làm, bài học kinh nghiệm, nhân tố điển hình trong lĩnh vực giáo dục; triển khai hiệu quả nội dung Đề án Phát triển giáo dục mầm non, phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

Điều 5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giáo dục

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục, thực hiện tốt phân cấp quản lý, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị trường học và các cơ sở giáo dục; tạo động lực để cán bộ giáo viên tự giác, tự chủ đối với các hoạt động chuyên môn.

2. Nâng cao năng lực tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan quản lý giáo dục. Xây dựng đội ngũ cán bộ, chuyên viên tại các cơ quan quản lý giáo dục, chuyên nghiệp, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ.

3. Sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy và đẩy mạnh cải cách hành chính trong các cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục nhằm tạo ra một cơ chế quản lý gọn nhẹ, hiệu quả. rà soát, xây dựng vị trí việc làm của các phòng Giáo dục – Đào tạo cấp huyện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục.

4. Thực hiện tốt các chủ trương về công khai chất lượng giáo dục, nguồn lực cho giáo dục, tài chính của các cơ sở giáo dục, phát huy tác dụng của hoạt động giám sát xã hội đối với chất lượng, hiệu quả giáo dục; thực hiện chế độ tài chính đúng quy định. Chấm dứt các hiện tượng lạm thu, thu sai quy định dưới các danh nghĩa, hình thức khác nhau.

5. Tích cực đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm túc các tổ chức và cá nhân tổ chức dạy thêm trái quy định. Kết hợp giữa kiểm tra có báo trước và kiểm tra đột xuất, tạo nên nếp chủ động trong dạy học và hoạt động thường xuyên ở cơ sở, hạn chế hiện tượng đối phó trong hoạt động chuyên môn. Thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục, công khai hóa kết quả kiểm định, thanh tra, kiểm tra đánh giá.

Điều 6. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; triển khai thực hiện tốt chương trình, sách giáo khoa mới

1. Đẩy mạnh việc phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông, điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng giáo dục toàn diện, bổ sung kỹ năng cho học sinh, phù hợp với tình hình cụ thể của nhà trường ở các khu vực đô thị, nông thôn, từng đối tượng học sinh trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng.

2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học. Chú trọng dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tự phát triển năng lực; khắc phục lối truyền thụ một chiều, ghi nhớ máy móc. Áp dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp dạy học tiên tiến đã triển khai. Tổ chức các hình thức học tập phong phú, đa dạng; quan tâm tổ chức các hoạt động xã hội, ngoại khoá, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

3. Đổi mới việc đánh giá kết quả giáo dục. Kết hợp đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và xã hội. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức và đánh giá hiệu quả các cuộc thi như: Thi giáo viên dạy giỏi, thi học sinh giỏi đảm bảo chính xác, khách quan, không gây áp lực nặng nề cho giáo viên và học sinh, không chạy theo thành tích.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, ngành học, nhất là chất lượng các lớp đầu cấp tiểu học, THCS, cuối cấp THPT. Đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh đảm bảo

thiết thực, hấp dẫn, hiệu quả; tăng cường công tác giáo dục thể chất cho học sinh. Triển khai đồng bộ việc dạy học ngoại ngữ theo chương trình mới tại tất cả các trường phổ thông, bố trí đủ giáo viên dạy tiếng Anh tiểu học; khuyến khích hợp đồng giáo viên người nước ngoài tham gia dạy tiếng Anh trong các trường phổ thông. Rà soát việc dạy học 2 buổi/ngày ở tiểu học để phù hợp vùng, miền và nhu cầu gắn với nội dung, chương trình bắt buộc; khuyến khích các trường THCS, THPT tổ chức các hoạt động giáo dục như: Trải nghiệm sáng tạo, thực hành thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, đọc sách tại thư viện.... Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình và chất lượng các giờ dạy chính khoá.

5. Tích cực chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới khi Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo; làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức và hiểu biết của cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên về chương trình mới để tránh thụ động, lúng túng, máy móc khi triển khai.

Điều 7. Sắp xếp hệ thống trường mầm non và phổ thông

1. Đối với trường trung học phổ thông, Sở Giáo dục và đào tạo xây dựng Đề án sắp xếp các trường THPT công lập và hệ thống các trường THPT ngoài công lập trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Đề án sắp xếp hệ thống trường mầm non và phổ thông công lập và hệ thống trường ngoài công lập trên địa bàn (Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định), trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Các đề án của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thành phê duyệt trong năm 2018 để tổ chức thực hiện.

2. Sắp xếp các trường công lập

a) Sáp nhập các trường tiểu học với THCS trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy hoạch mạng lưới trường lớp học;

b) Sáp nhập, giải thể các trường THPT qui mô nhỏ;

c) Chuyển đổi một số trường mầm non, THPT công lập sang tư thục hoặc mô hình đầu tư công, quản trị tư ở những nơi có điều kiện;

d) Khi điều chỉnh địa giới hành chính sáp nhập các xã sẽ thực hiện sáp nhập, giải thể các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn phù hợp phương án sáp nhập xã.

Điều 8. Sắp xếp, bố trí đội ngũ

1. Bố trí đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định hiện hành.

2. Chuyển nhiệm vụ y tế học đường và viên chức y tế ở các trường học về Trạm y tế cấp xã hoặc Trung tâm y tế đa chức năng cấp huyện (tại các xã không tổ chức trạm y tế) quản lý; căn cứ tình hình cụ thể, ngành Y tế phân công nhiệm vụ và bố trí nhân viên cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

3. Bố trí cán bộ làm nhiệm vụ kế toán đối với các cơ sở giáo dục phù hợp theo quy định và các phương án kiện toàn, sắp xếp cụ thể các trường học.

4. Đào tạo bổ sung kiến thức cần thiết đối với giáo viên, nhân viên dôi dư sau sắp xếp để có thể dạy môn khác, vị trí việc làm khác còn có chỉ tiêu.

5. Thực hiện việc điều động biệt phái giáo viên từ địa phương thừa sang địa phương thiếu, trường thừa sang trường thiếu, kể cả về số lượng và cơ cấu môn học và không làm xáo trộn việc dạy học cũng như cuộc sống của giáo viên.

6. Thực hiện việc hợp đồng viên chức số giáo viên còn thiếu sau khi điều chuyển, bố trí, cân đối. Tiếp tục thực hiện hợp đồng sinh viên tốt nghiệp loại giỏi học tại các trường sư phạm trọng điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giáo viên hợp đồng được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách như giáo viên tuyển dụng chính thức.

7. Xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt ở các nhà trường, cấp huyện và cấp tỉnh để triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

8. Khuyến khích các giáo viên dạy ngoại ngữ tự học và thi lấy các chứng chỉ quốc tế như IELTS, TOEIC, TOEFL, TOEFLibt.

9. Khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hỗ trợ hoạt động giáo dục dôi dư sau rà soát, sắp xếp nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu chuyên công tác, nghỉ hưu sớm hoặc thôi việc.

Điều 9. Thực hiện cơ chế tự chủ trong trường học

1. Tự chủ về việc thực hiện nhiệm vụ

Trên cơ sở chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giao quyền tự chủ cho các nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục phù hợp với thực tế của từng nhà trường, chủ động đề xuất kiện toàn đội ngũ giáo viên theo thẩm quyền, xem xét điều chỉnh nội dung dạy học, giáo dục phù hợp với từng cấp học, đối tượng học sinh; chủ động, tích cực áp dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá, các mô hình giáo dục tiên tiến.

2. Tự chủ về tài chính

Từng bước thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính trong các trường mầm non, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và các trường liên cấp có trung học cơ sở, trung học phổ thông. Rà soát trình Hội đồng nhân dân tỉnh mức thu học phí theo khung quy định; định hướng cơ sở giáo dục tự bảo đảm kinh phí thì triển khai thực hiện theo lộ trình:

a) Giai đoạn 1: Tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên (ngân sách nhà nước đảm bảo lương và các khoản đóng góp theo lương) đối với các trường THCS tuyển sinh trên địa bàn toàn huyện;

b) Giai đoạn 2: Tự chủ toàn bộ chi phí thường xuyên đối với các trường THCS tự chủ một phần giai đoạn 1. Tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên đối với các trường trường mầm non và trường học phổ thông ở địa bàn có điều kiện (phường, thị trấn không phải vùng miền núi);

c) Giai đoạn 3: Tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên ở các trường đã thực hiện tự chủ toàn bộ và tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên ở giai đoạn 2. Tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên tại các trường mầm non xã không thuộc khu vực I, II, III vùng miền núi, xã đặc biệt khó khăn, vùng ven

biên và phường, thị trấn khu vực II, III vùng miền núi; tại các trường trung học cơ sở phường, thị trấn không thuộc khu vực I, II, III vùng miền núi và các trường THPT ở các xã, thị trấn không thuộc khu vực I, II, III vùng miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển;

d) Giai đoạn 4: Thực hiện tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên ở các trường đã tự chủ toàn bộ và tự chủ một phần giai đoạn 3. Tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên tại tất cả các trường còn lại trừ trường THCS và THPT dân tộc nội trú;

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với trường Mầm non, Tiểu học và THCS), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường THPT) xây dựng Đề án tự chủ theo lộ trình nêu trên, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện khi có quy định, hướng dẫn mới về học phí và tự chủ tài chính;

e) Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về cơ chế quản lý, chính sách miễn giảm, mức học phí cho từng loại hình tự chủ, từng cấp học.

3. Tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự

a) Các trường học được tự chủ trong việc tổ chức bộ máy gắn với việc tự chủ tài chính; bố trí công việc theo chức danh nghề nghiệp; đánh giá, xếp loại; đào tạo, bồi dưỡng; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, nhân viên theo qui định hiện hành;

b) Từ năm học 2019-2020 thực hiện thí điểm tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự tại một số trường phổ thông ở những nơi có điều kiện thuận lợi về tự chủ tài chính. Đối với các trường này trên cơ sở nhiệm vụ, số lượng biên chế được giao và các qui định hiện hành, hiệu trưởng chủ động xây dựng phương án cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ viên chức hiện có, được quyền tiếp nhận viên chức có nguyện vọng chuyển đến và hợp đồng làm việc có thời hạn với những vị trí, việc làm còn thiếu và thực hiện chấm dứt hợp đồng khi không có nhu cầu hoặc nhân sự không đáp ứng được yêu cầu công việc. Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với THPT), Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với tiểu học, THCS) không thực hiện việc điều chuyển viên chức đến các đơn vị này. Trên cơ sở đó, tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm để triển khai trên diện rộng từ sau năm 2021;

c) Các trường học tự bảo đảm kinh phí được thực hiện tự chủ về biên chế.

Điều 10. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

1. Hoàn thành việc sắp xếp mạng lưới các trường học. Căn cứ dự báo quy mô học sinh đến năm 2025 và những năm tiếp theo để có quy hoạch khuôn viên trường học hợp lý, đảm bảo có diện tích đất để tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục. Hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các trường học.

2. Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; trước mắt tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp các hạng mục chính, thiết yếu như: Phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, phòng chức năng, thư viện và các hạng

mục công trình như sân chơi, bãi tập, nhà vệ sinh, nước sạch. Hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị cho Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu phát triển về quy mô và nâng cao chất lượng bồi dưỡng nhân tài trong thời kỳ mới.

3. Tổ chức rà soát, bổ sung trang thiết bị dạy học, phát huy tốt công năng của những thiết bị đã đầu tư, không để xảy ra tình trạng lãng phí. Trang bị trước các thiết bị phục vụ đổi mới phương pháp dạy học, nhất là các thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin; thiết bị dạy học môn ngoại ngữ, đồ chơi ngoài trời và thiết bị làm quen với tin học cho trẻ em. Thiết bị tối thiểu của các trường phổ thông trước mắt vẫn sử dụng thiết bị cũ, tạm thời sửa chữa, thay thế nếu thực sự cần thiết. Sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên.

Điều 11. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

1. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực giáo dục mầm non và phổ thông, thành lập các trường học, nhóm lớp tư thục, các trung tâm ngoại ngữ tin học; tạo thuận lợi và thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Củng cố và nâng chất lượng hoạt động của Hội đồng giáo dục các cấp, nhất là cấp xã, phường, thị trấn; trong đó, trách nhiệm thuộc về Ủy ban nhân dân các cấp, với sự tham mưu tích cực của ngành giáo dục và đào tạo. Phát huy sự hỗ trợ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, đặc biệt là của Hội Khuyến học và Hội cựu giáo chức trong công tác giáo dục, từ đó vận động quần chúng cùng tham gia đóng góp theo khả năng của mình vào công tác giáo dục tại địa phương. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong triển khai thực hiện các công việc như đầu tư phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập, phong trào xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, phong trào khuyến học, khuyến tài...

3. Tổ chức lại hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh theo đúng quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tập trung chú trọng thực hiện nhiệm vụ tham gia huy động trẻ đến trường, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, kèm cặp học sinh yếu kém, vận động học sinh đã bỏ học trở lại học tập; giúp đỡ học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác.

4. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh, trong đó nhà trường đóng vai trò chủ động. Thực hiện công khai các hoạt động giảng dạy của nhà trường, kết quả học tập của học sinh bằng nhiều hình thức: Họp phụ huynh định kỳ, thông tin trên trang web, liên lạc trực tiếp đến gia đình... Cải tiến nội dung các cuộc họp với Cha mẹ học sinh, coi trọng việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cha mẹ học sinh và học sinh đối với các hoạt động giáo dục, nhất là các ý kiến khác với kết quả đánh giá và định hướng của trường để có giải pháp sửa đổi, bổ sung phù hợp, kịp thời.

5. Xây dựng cơ chế giám sát giữa các lực lượng xã hội tại địa phương với nhà trường trong tất cả các hoạt động, từ đó tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động toàn diện của nhà trường.

6. Cùng với việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, các trường học chủ động kêu gọi xã hội hóa để tăng cường cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Điều 12. Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

1. Hỗ trợ nhóm đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế: Người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nếu trên 58 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, trên 53 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ hai mươi năm trở lên, ngoài chính sách được hưởng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP được tinh hỗ trợ như sau:

a) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương (cách tính lương áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP) cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

b) Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

2. Hỗ trợ nhóm đối tượng nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động: Người không thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nếu đủ điều kiện nghỉ hưu theo Điều 55, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, ngoài chính sách quy định còn được tinh hỗ trợ như sau:

a) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương (cách tính lương áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC) cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

b) Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương;

c) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 54, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

3. Hỗ trợ nhóm người không thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nhưng có nguyện vọng thôi việc ngay:

a) Công chức, viên chức có tuổi đời dưới 55 tuổi đối với nam, dưới 50 tuổi đối với nữ; đối tượng lao động hợp đồng được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế hợp đồng lao động nhưng có nguyện vọng thôi việc ngay, được cơ quan có thẩm quyền xem xét thì được tinh hỗ trợ: Trợ cấp 06 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm, 01 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội; được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội và cấp Sổ bảo hiểm xã hội hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy

định của Luật bảo hiểm xã hội; được hưởng chính sách thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP, ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

b) Đối với đối tượng hợp đồng lao động được hưởng chính sách theo Quyết định số 240/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh đối tượng, mức hưởng, nguồn kinh phí hỗ trợ đối với nhân viên y tế, kế toán làm việc theo chế độ lao động hợp đồng tại các trường mầm non công lập khi chấm dứt hợp đồng lao động: Được trợ cấp 06 tháng lương hiện hưởng (theo hệ số 01), 03 tháng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

4. Chính sách đào tạo văn bằng 2 đối với giáo viên: Được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 3 điều 2 Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh.

5. Viên chức sự nghiệp giáo dục mầm non, phổ thông dôi dư được rà soát, xem xét cử đi đào tạo lại để làm thư viện thiết bị hoặc dạy mầm non. Điều kiện đào tạo lại: Viên chức không quá 40 tuổi tính từ thời điểm cử đi đào tạo, được cơ quan, đơn vị xem xét cử đi đào tạo lại. Quyền lợi và mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Quyền lợi: Áp dụng khoản 1, điều 37 của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

b) Trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng để chuyển đổi, viên chức được hưởng nguyên lương, phụ cấp thâm niên nếu có;

c) Được hỗ trợ chi phí dịch vụ đào tạo;

d) Được hỗ trợ tiền mua tài liệu bắt buộc;

đ) Được hỗ trợ chi phí đi lại theo giá xe khách tại thời điểm đi học, có khoảng cách từ cơ quan đến nơi học tập từ 25 km trở lên, mỗi năm đi học hỗ trợ 02 lượt đi và về.

6. Hỗ trợ giáo viên biệt phái

a) Điều kiện áp dụng: Giáo viên được cơ quan có thẩm quyền điều động biệt phái từ huyện này sang huyện khác giảng dạy có thời hạn;

b) Mức hỗ trợ: Một tháng bằng 01 lần lương cơ sở do Chính phủ quy định. Thời gian hỗ trợ bằng thời gian thực tế cử đi biệt phái;

c) Thời gian thực hiện: Đến hết năm 2021.

7. Học sinh THPT đạt học sinh giỏi nhất, nhì cấp tỉnh và các giải quốc gia, khu vực, quốc tế các môn văn hóa nếu thi vào học ngành sư phạm, tốt nghiệp loại giỏi, có cam kết phục vụ trong ngành giáo dục tối thiểu 10 năm liên tục trở lên, phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng thì được tuyển dụng vào ngành giáo dục. Ngoài ra, đối với những người đã đạt giải quốc tế, khu vực, quốc gia được hỗ trợ thêm 50 triệu đồng.

8. Chính sách đối với giáo viên nòng cốt

a) Điều kiện áp dụng: Giáo viên được Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, đưa vào đội ngũ giáo viên nòng cốt cấp tỉnh, cấp huyện;

b) Mức hỗ trợ: Mỗi tháng bằng 0,3 lần lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với giáo viên nòng cốt cấp tỉnh, bằng 0,2 lần lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với giáo viên nòng cốt cấp huyện. Số lượng giáo viên nòng cốt cấp tỉnh không quá: 1% giáo viên mầm non, 1% giáo viên tiểu học, 1,5% giáo viên THCS và 3% giáo viên THPT; giáo viên nòng cốt cấp huyện không quá: 3% giáo viên mầm non, 3% giáo viên tiểu học và 5% giáo viên THCS;

c) Giáo viên được lựa chọn vào đội ngũ nòng cốt nhiều cấp chỉ được hưởng theo mức hỗ trợ ở cấp cao nhất;

d) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn giáo viên nòng cốt; căn cứ tiêu chí, tiêu chuẩn Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách giáo viên nòng cốt. Thời hạn công nhận là 3 năm, hàng năm rà soát bổ sung, thay thế.

6. Thường giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp tỉnh

a) Giáo viên đạt giải nhất: 03 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định;

b) Giáo viên đạt giải nhì: 02 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định;

c) Giáo viên đạt giải ba: 01 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định.

7. Chính sách khuyến khích tự học nâng cao năng lực dạy ngoại ngữ

a) Điều kiện áp dụng: Giáo viên dạy ngoại ngữ tự học và được cấp chứng chỉ quốc tế từ IELTS 5.5 hoặc TOEFL ITP 513 điểm trở lên (đối với giáo viên tiểu học), từ IELTS 6.0 hoặc TOEFL ITP 547 điểm trở lên (đối với giáo viên THCS), từ IELTS 6.5 hoặc TOEFL ITP 550 điểm trở lên (đối với giáo viên THPT);

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 15 triệu đồng khi có chứng chỉ;

c) Thời gian thực hiện: Đến hết năm 2021.

Điều 13. Kinh phí thực hiện Nghị quyết

1. Kinh phí đầu tư phát triển thực hiện theo các chương trình, dự án, kế hoạch đầu tư của bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách của địa phương được cân đối hàng năm trong kinh phí sự nghiệp giáo dục.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Bãi bỏ Nghị quyết số 20/2011/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân (khóa XVI) về phê duyệt Đề án "Phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2015 và những năm tiếp theo".

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 115/2009/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Bãi bỏ điểm a, khoản 9, điều 3 của Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, bãi bỏ các quy định trái với nội dung Nghị quyết này.


Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Các bộ: Y tế, Giáo dục và Đào tạo;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT 

CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn